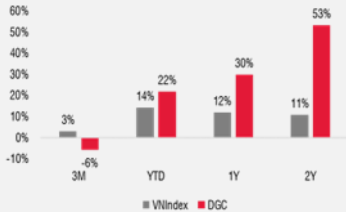


Ngày báo cáo: 30/09/2024
NGÀNH: HÓA CHẤT
CVPTCC: Nguyễn Trần Phương Nga
Email: ngantp@ssi.com.vn
SĐT: +84-28 3824 2897 ext. 6731

Khuyến nghị: **KHẢ QUAN**
Giá mục tiêu 1Y: **137.000 Đồng**
 Giá CP ngày 30/09/2024: 115.500 Đồng
 % Tăng giá: **+18,6%**

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 1.776
 Giá trị vốn hoá (tỷ VND): 43.712
 Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 380
 KLGD trung bình 3 tháng (cp): 2.182.353
 Giá cao/thấp nhất 52T (NB): 131,8/76,5
 GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng): 250,4
 Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 18,1
 Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 0

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

TCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang là nhà sản xuất và xuất khẩu photpho vàng hàng đầu và các sản phẩm liên quan như axit photphoric, phân lân và phụ gia thức ăn chăn nuôi. Sau khi tái cơ cấu doanh nghiệp vào năm 2018, DGC đang có kế hoạch đầu tư vào một nhà máy clo-kiểm để sản xuất xút, hợp chất clo, nhựa PVC và các hóa chất khác đang thiếu cung tại Việt Nam.

Tăng trưởng trở lại từ nửa cuối năm 2024

Chúng tôi nâng khuyến nghị đối với cổ phiếu DGC từ TRUNG LẬP lên **KHẢ QUAN**, với giá mục tiêu 1 năm là **137.000 đồng/cổ phiếu** (tiềm năng tăng giá là 18,6%) do chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận của DGC sẽ tăng tích cực trở lại từ nửa cuối năm 2024 (+23% svck) sau 7 quý giảm liên tiếp. Trong khi đó, định giá cổ phiếu DGC hiện đang thấp so với một công ty hàng hóa vận hành theo chuỗi giá trị tích hợp theo chiều dọc, giúp biên lợi nhuận gộp của DGC cao hơn. Lợi nhuận của DGC phục hồi nhờ được thúc đẩy bởi (1) giá bán bình quân và sản lượng tiêu thụ phục hồi từ nhóm khách hàng phân bón và khách hàng bán dẫn, (2) tiết kiệm chi phí nhờ tăng tỷ lệ sử dụng quặng tự khai thác từ Khai Trường 25 và (3) việc chuyển đổi dần sang các sản phẩm giá trị cao (như axit photphoric LCD, chiếm khoảng 10% axit photphoric vào thời điểm hiện tại). Chúng tôi ước tính lợi nhuận ròng năm 2024 và 2025 lần lượt đạt 3,5 nghìn tỷ đồng (+7% svck) và 4,8 nghìn tỷ đồng (+37% svck). Chúng tôi cho rằng DGC là một trong những công ty có tiềm năng thu hút dòng vốn trong trường hợp Việt Nam được FTSE Russell nâng hạng lên thị trường mới nổi (dự kiến vào cuối năm 2025).

Quan điểm ngắn hạn: Lợi nhuận nửa cuối năm 2024 phục hồi có thể hỗ trợ giá cổ phiếu trong ngắn hạn.

Rủi ro giảm đối với khuyến nghị:

- Nhu cầu đối với các hóa chất liên quan đến photpho phục hồi chậm hơn dự kiến và giá bán bình quân tăng chậm hơn dự kiến.
- Chậm mở rộng Khai trường 25 ảnh hưởng đến việc tiết kiệm chi phí quặng.

	2022	2023	2024F	2025F
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	14.444	9.748	11.457	13.636
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	6.040	3.253	3.483	4.761
Tăng trưởng LN ròng (%)	140,2%	-46,1%	7,1%	36,7%
EPS (VND)	13.862	7.705	8.330	11.385
ROE (%)	70,4%	28,5%	26,6%	29,8%
Nợ/VCSH	0,04	0,11	0,09	0,08
Tỷ suất cổ tức (%)	7%	3%	3%	2%
P/E (x)	4,2	12,3	13,9	10,1
P/B (x)	2,1	3,1	3,2	2,6
EV/EBITDA (x)	2,1	6,9	8,2	5,5

Nguồn: DGC, SSI Research

Nhìn lại KQKD Q2/2024

Tỷ đồng	2Q24	2Q23	YoY	1Q24	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							2Q24	2Q23	1Q24	2023
Doanh thu thuần	2.504,5	2.413,7	3,8%	2.384,8	5,0%	47,9%				
Lợi nhuận gộp	982,8	940,3	4,5%	766,2	28,3%		39,2%	39,0%	32,1%	35,4%
Lợi nhuận từ HĐKD	838,9	802,6	4,5%	636,6	31,8%		33,5%	33,3%	26,7%	29,8%
EBIT	958,1	961,3	-0,3%	775,8	23,5%		38,3%	39,8%	32,5%	36,2%
EBITDA	1.064,1	1.040,9	2,2%	882,2	20,6%		42,5%	43,1%	37,0%	39,8%
LNTT	952,8	952,6	0,0%	769,3	23,9%		38,0%	39,5%	32,3%	35,9%
Lợi nhuận ròng	870,5	881,8	-1,3%	703,9	23,7%	50,8%	34,8%	36,5%	29,5%	33,4%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	842,4	843,4	-0,1%	672,6	25,2%		33,6%	34,9%	28,2%	31,9%

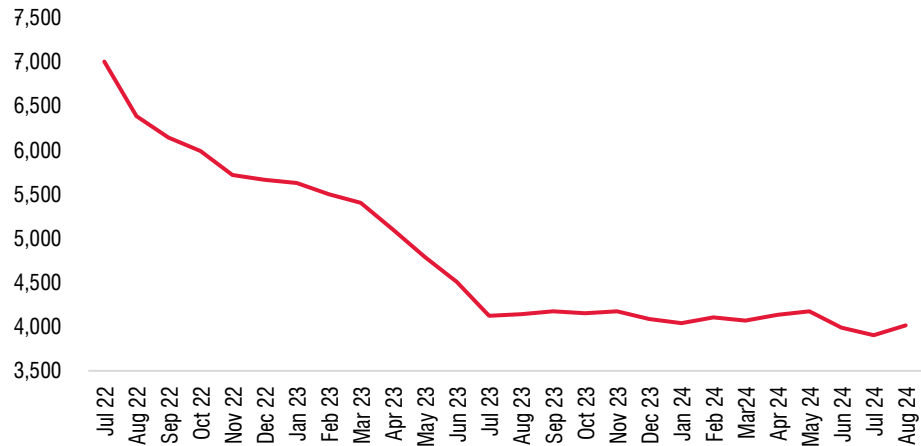
Nguồn: DGC, SSI Research

Trong Q2/2024, doanh thu và lợi nhuận ròng của DGC đi ngang so với cùng kỳ, lần lượt đạt mức 2,5 nghìn tỷ đồng (+4% svck) và 870 tỷ đồng (-1% svck). Lũy kế nửa đầu năm 2024, doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 4,9 nghìn tỷ đồng (đi ngang svck) và 1,57 nghìn tỷ đồng (-8% svck), hoàn thành 48% và 51% kế hoạch năm 2024 của công ty. Tuy nhiên, KQKD quý 2 của DGC thấp hơn so với ước tính cả năm của chúng tôi do giá bán của phốt pho vàng cần thêm thêm thời gian để phục hồi, trong khi tăng trưởng sản lượng tiêu thụ phục hồi còn chậm.

Sản lượng tiêu thụ	6T24	6T23	Tăng trưởng svck
Phốt pho vàng P4	19.854	17.417	14%
Axit photphoric	58.015	90.672	-36%
Phân bón	147.314	110.522	33%

Nguồn: DGC, SSI Research

Nhu cầu tiêu thụ phốt pho vàng duy trì mức yếu trong nửa đầu năm 2024, thể hiện qua giá bán bình quân giảm 17% svck. Tuy nhiên, DGC tiếp tục thu hút khách hàng mới cho phốt pho vàng trong 6 tháng đầu năm với sản lượng tiêu thụ tăng 14% svck trong bối cảnh Trung Quốc hiện đang cấm xuất khẩu đối với loại hóa chất này. Đồng thời, sản lượng tiêu thụ phân bón phục hồi đáng kể từ cơ sở thấp của năm ngoái, khi mà Việt Nam và Ấn Độ (thị trường xuất khẩu phân bón chính của DGC) chịu ảnh hưởng nặng nề từ hiện tượng El Nino. Ngoài ra, thị trường phân bón cũng được hưởng lợi từ các hạn chế xuất khẩu của Trung Quốc trong Q1/2024. Giá bán bình quân các sản phẩm phân bón ổn định trong nửa đầu năm 2024, tốt hơn so với mức giảm 11% của giá bán bình quân axit photphoric. Do axit photphoric được sử dụng để sản xuất phân bón, trong nửa đầu năm, DGC đã ưu tiên bán phân bón do có diễn biến giá tốt hơn. Do đó, sản lượng tiêu thụ của axit photphoric giảm 36% svck trong nửa đầu năm 2024.

Biểu đồ: Giá phốt pho vàng (USD/tấn)

Nguồn: SSI tổng hợp

Biên lợi nhuận gộp giảm từ 37,4% trong nửa đầu năm 2023 xuống 35,8% trong nửa đầu năm 2024, do giá bán bình quân của axit photphoric và phốt pho vàng giảm, mặc dù DGC đã sử dụng nhiều nguyên liệu đầu vào tự khai thác hơn (Khai Trường 19 mới đi vào hoạt động từ Q2/2023). Do đó, lợi nhuận ròng trong nửa đầu năm 2024 giảm còn 1,57 nghìn tỷ đồng (-8% svck).

Triển vọng lợi nhuận

Giá và sản lượng tiêu thụ phục hồi: Nhu cầu từ khách hàng phân bón và khách hàng bán dẫn duy trì mức yếu từ giữa năm 2022 đã ảnh hưởng tiêu cực đến DGC về cả sản lượng tiêu thụ và giá bán bình quân. Trong khi nhu cầu từ khách hàng bán dẫn có thể cần thêm thời gian để phục hồi, chúng tôi nhận thấy nhu cầu phân bón của khách hàng đã quay trở lại, trong bối cảnh hạn chế xuất khẩu của Trung Quốc giúp các doanh nghiệp Việt Nam bán hàng tốt hơn. Những điều này đã giúp cho giá phốt pho vàng chạm đáy trong Q2/2024 (giá bán bình quân đạt 98 triệu/tấn, +4% so với quý trước). Chúng tôi giả định giá phốt pho vàng sẽ dần phục hồi lên 108 triệu đồng/tấn (+3% svck) trong năm 2024 và 113 triệu/tấn (+5% svck) trong năm 2025, được thúc đẩy nhờ nhu cầu phân bón phục hồi trong điều kiện thời tiết tốt hơn và nhu cầu từ các nhà sản xuất chip phục hồi với xu hướng phát triển của công nghệ. Sản lượng tiêu thụ phốt pho vàng dự kiến phục hồi, cùng với nhu cầu của phân bón và khách hàng bán dẫn. Chúng tôi dự kiến công suất hoạt động của nhà máy phốt pho vàng sẽ lần lượt đạt 61% và 76% trong năm 2024-2025.

Sản lượng (tấn)	2023	2024F	2025F	2024F YoY	2025F YoY
Phốt pho vàng P4	35.082	43.000	53.000	23%	23%
Axit photphoric	205.487	198.000	225.000	-4%	14%
Phân bón	219.140	258.000	265.000	18%	3%

Nguồn: SSI Research

Xu hướng biên lợi nhuận: Mặc dù bị ảnh hưởng tiêu cực bởi giá điện tăng, chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận gộp của DGC sẽ cải thiện trong năm 2025, nhờ giá bán bình quân phục hồi và tỷ trọng sử dụng quặng tự khai thác cao hơn.

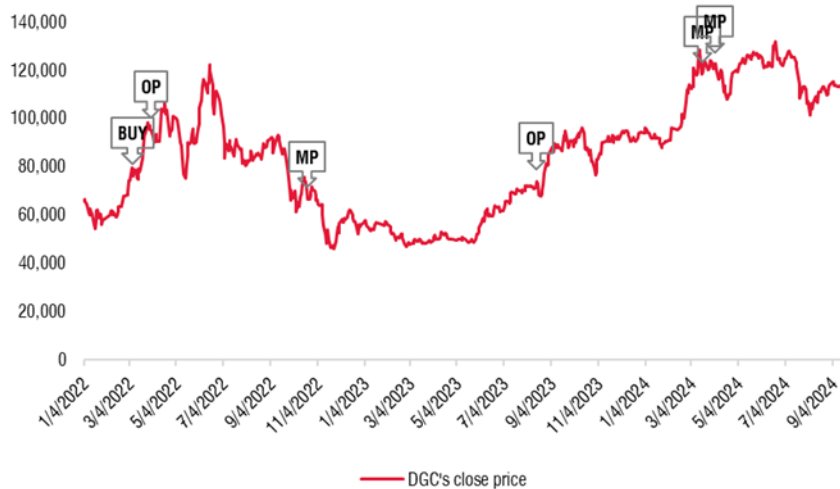
- **Chi phí quặng (khoảng 60% giá vốn hàng bán):** DGC có kế hoạch mở rộng Khai trường 25 để tăng cường tỷ lệ quặng tự khai thác, dự kiến từ đầu năm 2025. Chúng tôi ước tính tỷ lệ quặng tự khai thác sẽ tăng từ 80% vào năm 2023-2024 lên 90% vào năm 2025, từ đó giảm chi phí nguyên liệu đầu vào.
- **Chi phí điện (khoảng 25% giá vốn hàng bán):** Chúng tôi kỳ vọng giá điện sẽ tăng trung bình 3% svck mỗi năm trong giai đoạn 2024-2025

Ước tính lợi nhuận ròng năm 2024-2025 lần lượt đạt 3,5 nghìn tỷ đồng (+7% svck) và 4,8 nghìn tỷ đồng (+37% svck). Lợi nhuận phục hồi được thúc đẩy bởi (1) giá bán bình quân và sản lượng tiêu thụ từ khách hàng phân bón và khách hàng bán dẫn phục hồi, (2) tiết kiệm chi phí nhờ tăng tỷ lệ sử dụng quặng tự khai thác từ Khai Trường 25 và (3) việc chuyển đổi dần sang các sản phẩm giá trị cao (như axit photphoric LCD, chiếm khoảng 10% axit photphoric vào thời điểm hiện tại).

Ước tính của chúng tôi cho giai đoạn 2024-2025 như sau:

Tỷ đồng	2023	2024F	2025F	2024F YoY	2025F YoY
Doanh thu	9.748	11.457	13.636	18%	19%
Phốt pho vàng P4	3.692	4.644	5.989	26%	29%
Axit photphoric	3.441	3.557	4.229	3%	19%
Phân bón	1.354	1.906	2.068	41%	9%
Khác	1.261	1.350	1.350	7%	0%
Lợi nhuận gộp	3.455	4.030	5.579	17%	38%
Biên LN gộp	35,4%	35,2%	40,9%		
Lợi nhuận ròng	3.253	3.483	4.761	7%	37%

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.435	1.061	1.625	5.013
+ Đầu tư ngắn hạn	7.571	9.342	9.342	9.342
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	916	1.130	974	1.159
+ Hàng tồn kho	918	855	817	886
+ Tài sản ngắn hạn khác	55	79	91	108
Tổng tài sản ngắn hạn	10.896	12.466	12.849	16.508
+ Các khoản phải thu dài hạn	29	31	0	0
+ GTCL Tài sản cố định	1.781	2.100	2.215	2.292
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	234	225	225	225
+ Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	376	669	722	725
Tổng tài sản dài hạn	2.419	3.025	3.162	3.243
Tổng tài sản	13.316	15.492	16.011	19.750
+ Nợ ngắn hạn	2.481	3.492	1.835	1.990
Trong đó: vay ngắn hạn	468	1.328	1.263	1.370
+ Nợ dài hạn	0	0	0	0
Trong đó: vay dài hạn	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	2.481	3.493	1.835	1.990
+ Vốn góp	3.798	3.798	3.798	3.798
+ Thặng dư vốn cổ phần	1.787	1.787	1.787	1.787
+ Lợi nhuận chưa phân phối	5.084	5.887	7.911	11.286
+ Quỹ khác	166	527	681	890
Vốn chủ sở hữu	10.835	11.999	14.177	17.760
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	13.316	15.492	16.011	19.750
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	5.993	1.115	2.269	4.730
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-3.948	-794	-500	-500
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-733	-797	-1.205	-842
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1.312	-476	564	3.388
Tiền đầu kỳ	124	1.535	1.061	1.625
Tiền cuối kỳ	1.435	1.061	1.625	5.013
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	4,39	3,57	7,00	8,30
Hệ số thanh toán nhanh	4,00	3,30	6,51	7,80
Hệ số thanh toán tiền mặt	3,63	2,98	5,98	7,21
Nợ ròng / EBITDA	-0,02	-0,09	-0,01	-0,36
Khả năng thanh toán lãi vay	363,30	111,63	83,40	104,82
Ngày phải thu	14,4	23,0	20,6	16,8
Ngày phải trả	17,8	12,6	10,1	10,5
Ngày tồn kho	50,6	51,4	41,1	38,6
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,81	0,77	0,89	0,90
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,19	0,23	0,11	0,10
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,23	0,29	0,13	0,11
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,04	0,11	0,09	0,08
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,04	0,11	0,09	0,08

Nguồn: DGC, SSI dự báo

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	14.444	9.748	11.457	13.636
Giá vốn hàng bán	-7.675	-6.293	-7.427	-8.057
Lợi nhuận gộp	6.770	3.455	4.030	5.579
Doanh thu hoạt động tài chính	533	743	584	557
Chi phí tài chính	-150	-102	-157	-170
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-624	-436	-527	-627
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-148	-159	-183	-218
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.381	3.501	3.747	5.121
Thu nhập khác	-5	-1	-1	-1
Lợi nhuận trước thuế	6.376	3.499	3.746	5.119
Lợi nhuận ròng	6.040	3.253	3.483	4.761
Lợi nhuận chia cho cổ đông	5.568	3.111	3.330	4.551
Lợi ích của cổ đông thiểu số	473	142	153	209
Chỉ số tài chính				
EPS cơ bản (VND)	13.862	7.705	8.330	11.385
Giá trị sổ sách (VND)	27.520	30.531	35.861	44.746
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	4.000	3.000	3.000	2.500
EBIT	6.393	3.531	3.791	5.168
EBITDA	6.690	3.883	4.176	5.591
Tăng trưởng				
Doanh thu	51,2%	-32,5%	17,5%	19,0%
EBITDA	128,4%	-42,0%	7,5%	33,9%
EBIT	141,2%	-44,8%	7,4%	36,3%
Lợi nhuận ròng	140,2%	-46,1%	7,1%	36,7%
Vốn chủ sở hữu	71,1%	10,7%	18,1%	25,3%
Vốn điều lệ	122,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	59,7%	16,3%	3,4%	23,4%
Định giá				
P/E	4,2	12,3	13,9	10,1
P/B	2,1	3,1	3,2	2,6
Giá/Doanh thu	1,5	3,7	3,8	3,2
Tỷ suất cổ tức	6,8%	3,2%	2,6%	2,2%
EV/EBITDA	2,1	6,9	8,2	5,5
EV/Doanh thu	1,0	2,7	3,0	2,3
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	46,9%	35,4%	35,2%	40,9%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	42,1%	29,8%	29,3%	35,1%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	41,8%	33,4%	30,4%	34,9%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	4,3%	4,5%	4,6%	4,6%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	1,0%	1,6%	1,6%	1,6%
ROE	70,4%	28,5%	26,6%	29,8%
ROA	55,8%	22,6%	22,1%	26,6%
ROIC	65,6%	26,7%	24,5%	27,8%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Vĩ mô

Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô

trinhhtt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Ngành Hóa chất

Nguyễn Trần Phương Nga

Chuyên viên cao cấp Phân tích cổ phiếu

ngantp@ssi.com.vn

SĐT: (+84– 28) 3824 2897 ext. 6731

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702

Chiến lược thị trường

Hồ Hữu Tuấn Hiếu, CFA

Chuyên gia Chiến lược đầu tư

hieuhht1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8704

Nguyễn Quốc Bảo

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

baonq1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3824 2897 ext. 6737